

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHCVTLT ngày /10/2023 của Sở Nội vụ)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
1.	TC 1.1 - Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm (bao gồm: Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch kiểm tra CCHC)	<p>- Yêu cầu: Thời gian ban hành: Kế hoạch CCHC của các cơ quan, đơn vị ban hành trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch. Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC</p> <p>- Nếu: Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC được xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ theo định hướng và chỉ đạo chung của tỉnh; có bố trí kinh phí để thực hiện; mỗi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phải phân công người chịu trách nhiệm và quy định thời gian hoàn thành. Các Kế hoạch phải được hoàn thành đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0,5; Không ban hành đầy đủ các Kế hoạch về công tác CCHC trong năm hoặc ban hành đầy đủ Kế hoạch nhưng nội dung không đáp ứng yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>+ Chất lượng kế hoạch CCHC hàng năm của UBND cấp xã thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[\frac{\text{Số xã đạt chất lượng/tổng số xã trực thuộc} \times 0.5}{100\%} \right]$	<p>- Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC của địa phương.</p> <p>- Kế hoạch CCHC năm của cấp xã thuộc địa phương.</p>
2.	TC 1.2 - Mức độ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính	<p>Điểm đạt được tính theo công thức: (b/a)*1. Trong đó:</p> <p>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch.</p> <p>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.</p>	<p>- Kế hoạch CCHC năm;</p> <p>- Báo cáo CCHC năm;</p> <p>- Bảng tổng hợp sản phẩm các nhiệm vụ CCHC</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
3.	TC 1.3 - Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	<p>- Có thực hiện tuyên truyền đầy đủ 03 hình thức: (1) Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn, (2) Viết bài, cung cấp thông tin trên website, (3) Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông khác thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu không thực hiện một trong các nội dung, yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Có ít nhất một hình thức tuyên truyền khác: Tổ chức hoặc tham gia cuộc thi tìm hiểu về CCHC, tọa đàm về CCHC thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0,5.</p>	<p>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</p> <p>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.</p>
4.	TC 1.4 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về cải cách hành chính	<p>- Yêu cầu: Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về cải cách hành chính, bao gồm: Báo cáo CCHC (quý, 6 tháng, năm), Báo cáo kiểm soát TTHC (quý, năm), Báo cáo cải cách thủ tục hành chính hàng tháng, Báo cáo Đề án 06 hàng tháng. Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.</p> <p>+ Thực hiện đầy đủ các báo cáo, đảm bảo nội dung, đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Kết quả theo dõi của các cơ quan liên quan.</p> <p>- Các Báo cáo của đơn vị khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.</p>
5.	TCTP 1.5.1 - Thực hiện kiểm tra đơn vị cấp xã và các phòng chuyên môn	<p>Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị cấp xã và các phòng chuyên môn được kiểm tra trong năm so với tổng số đơn vị cấp xã và các phòng chuyên môn thuộc địa phương. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Từ 20% đến dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC của đơn vị.</p> <p>- Biên bản kiểm tra;</p> <p>- Thông báo kết quả kiểm tra</p>
6.	TCTP 1.5.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra	<p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số vấn đề phải xử lý;</p> <p>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý ;</p>	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra.</p> <p>- Các văn bản thể hiện nội dung</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> + Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. - Nếu: + Tất cả các vấn đề đã được xử lý, khắc phục thì điểm đánh giá là 1; + Tất cả các vấn đề đã xử lý nhưng có nội dung chưa hoàn thành thì điểm đánh giá là 0,5; + Có vấn đề chưa được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
7.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số lượng nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá). - Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1+(c/a)*0,5$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ; c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh. - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
8.	TC 1.7 - Đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: + Được UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện phê duyệt, mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành. + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị. - Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
9.	TC 1.8 - Tổ chức/tham gia đối thoại với cá	Đánh giá dựa trên kết quả thực hiện 03 nội dung, gồm: (1) Có tổ chức hoặc tham gia đối thoại với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh	- Các tài liệu chứng minh về việc tổ chức hoặc tham gia đối

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	nhân, tổ chức, doanh nghiệp	<p>vực, ngành quản lý; (2) Có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại các buổi tiếp xúc; (3) Mức độ xử lý đề xuất của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp theo thẩm quyền. Điểm đạt được của tiêu chí này là tổng điểm đạt được của việc thực hiện 03 nội dung nêu trên, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức/tham gia đối thoại với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành quản lý hoặc thực hiện tiếp công dân định kỳ thì đạt 0,5 điểm. - Nếu Có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại các buổi tiếp xúc thì đạt 0,5 điểm. - Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tính điểm theo công thức $(b/a)*1$. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + a là tổng số kiến nghị, đề xuất phải xử lý. + b là số kiến nghị, đề xuất đã xử lý xong. 	<p>thoại với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành quản lý; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản, chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất; - Các tài liệu chứng minh kết quả giải quyết, xử lý kiến nghị, đề xuất; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
10.	TC 2.1 - Công tác ban hành VBQPPL (cấp huyện, cấp xã)	<p>Văn bản QPPL được ban hành phải đảm bảo thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL phải đảm bảo trình tự theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chất lượng văn bản được căn cứ vào kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu: <ul style="list-style-type: none"> + 100% VBQPPL đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định thì điểm đánh giá là 1; + 80% VBQPPL đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5; + Dưới 80% VBQPPL đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản QPPL được ban hành; - Kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		quy định thì điểm đánh giá là 0.	
11.	TCTP 2.2.1 - Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và báo cáo kết quả đúng thời gian quy định	<p>Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản và thực hiện báo cáo kết quả cho Sở Tư pháp theo quy định.</p> <p>- Nếu</p> <p>+ Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và báo cáo kết quả đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0.5.</p> <p>+ Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VB QPPL nhưng không báo cáo hoặc báo cáo kết quả không đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>+ Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL đúng thời gian quy định nhưng không ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VB QPPL thì điểm đánh giá 0.</p>	<p>- Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL;</p> <p>- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.</p>
12.	TCTP 2.2.2 - Kịp thời công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực (chậm nhất là ngày 31/01 hàng năm)	<p>Trên cơ sở kết quả rà soát, hệ thống hóa có văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định.</p> <p>- Nếu:</p> <p>+ Kịp thời công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực (chậm nhất là ngày 31/01 hàng năm) thì điểm đánh giá 0.5.</p> <p>+ Công bố không kịp thời hoặc không công bố (trường hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa có văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần) thì điểm đánh giá 0.</p>	<p>- Quyết định công bố Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực;</p> <p>- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản.</p>
13.	TC 2.3 - Xử lý văn bản sau rà soát, kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	<p>Trên cơ sở kết quả rà soát, kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, UBND cấp huyện xử lý nội dung trái pháp luật hoặc nội dung không phù hợp theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó:</p>	<p>- Kết quả rà soát và kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>- Văn bản đã được xử lý.</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		a là tổng số văn bản cần được xử lý b là số văn bản đã xử lý trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa (1 điểm)	
14.	TCTP 2.4 - Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	- Yêu cầu: + Có Kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi THTHPL đảm bảo nội dung và thời hạn theo yêu cầu tại Kế hoạch theo dõi THTHPL của UBND tỉnh. + Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật. - Nếu: + Có ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi THTHPL đầy đủ, đúng thời gian theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0,5; không ban hành kế hoạch và không báo cáo kết quả hoặc có thực hiện nhưng không đảm bảo về thời gian thì điểm đánh giá là 0. + Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là 0,5; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Kết quả theo dõi của Sở Tư pháp.
15.	TC 3.1 - Rà soát, đánh giá, đơn giản hoá đối với thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch	Trình phương án đơn giản hóa TTHC đối với 100% TTHC có phát sinh giao dịch đã đăng ký trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh. Trong đó: 1. Có phương án đơn giản hóa giảm thời gian giải quyết TTHC thì đạt 1 điểm. 2. Có phương án đơn giản hóa TTHC (ví dụ: đề xuất cắt giảm, bãi bỏ TTHC), cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC đối với ít nhất 01 TTHC thì đạt 2 điểm. Đối với các đơn vị không đề xuất UBND tỉnh phương án đơn giản hóa	- Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh. - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>TTHC, cắt giảm thành phần hồ sơ..., tuy nhiên, có đơn vị khác tiến hành rà soát độc lập, trình UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã thì ngoài việc không đạt điểm tại tiêu chí này, đơn vị còn bị trừ đi 1 điểm (điểm trừ bị ghi tại phần “Điểm trừ”).</p> <p>Các đơn vị có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua đối với ít nhất 01 TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan cấp trên và liên thông trách nhiệm giải quyết của cấp huyện/cấp xã thì được cộng thêm 1 điểm (điểm cộng được ghi nhận tại phần “Điểm thưởng”).</p>	
16.	TC 3.2 - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (cấp huyện, cấp xã)	<p>- Thống kê tình hình giải quyết hồ sơ của UBND cấp huyện, cấp xã từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*2$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ a là tổng số hồ sơ đã giải quyết trong năm;</p> <p>+ b là số hồ sơ đã giải quyết đúng và sớm hạn.</p> <p>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
17.	TC 3.3 - Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<p>- Thống kê tổng số phản ánh, kiến nghị phải trả lời từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1+(c/a)*0,5$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là tổng số phản ánh, kiến nghị;</p> <p>b là số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn;</p> <p>c là số phản ánh, kiến nghị được xử lý trễ hạn.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
18.	TC 4.1 - Ban hành các quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo quy định của Trung ương	<p>Yêu cầu: Kịp thời ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương.</p> <p>+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa kịp thời thì điểm đánh giá là 0</p>	- Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương.
19.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về phân cấp quản lý theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh	<p>- Yêu cầu: Kế hoạch triển khai của UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành trước ngày 15/11/2023.</p> <p>- Nếu:</p> <p>+ Ban hành đầy đủ các nhiệm vụ về phân cấp quản lý được xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ theo quy định của Trung ương, UBND tỉnh về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước thuộc chức năng quản lý của địa phương; mỗi chỉ tiêu, nhiệm vụ phải phân công người chịu trách nhiệm và quy định thời gian hoàn thành. Các Kế hoạch phải được hoàn thành đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[\frac{\text{Số nhiệm vụ đã hoàn thành} \times 2}{\text{Tổng số nhiệm vụ được giao theo kế hoạch}} \right]$ <p>+ Không ban hành Kế hoạch triển khai hoặc ban hành Kế hoạch triển khai nhưng các nhiệm vụ về phân cấp quản lý không đảm bảo theo Kế hoạch của UBND tỉnh thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh</p> <p>- Báo cáo có nội dung về kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước.</p>
20.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá định kỳ các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền	<p>- Yêu cầu: Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền (có thể lồng ghép vào các cuộc kiểm tra khác nhưng phải thể hiện rõ có các nội dung kiểm tra về phân cấp quản lý)</p> <p>- Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</p>	- Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo đánh giá, kết quả kiểm tra
21.	TCTP 4.2.3 - Xử lý	- Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được	- Các thông báo kết luận thanh

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền	<p>xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0. <p>- Trường hợp tại địa phương không phát hiện các vấn đề qua thanh tra, kiểm tra thì điểm đánh giá là 1; nếu cấp trên phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>tra, kiểm tra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chứng minh xử lý các vấn đề phát hiện; - Tài liệu khác nếu có. - Ghi nhận các báo cáo, văn bản phản ánh, kiến nghị từ cấp trên.
22.	TC 4.3 - Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về CCVC của tỉnh (đúng - đủ - sạch - sống)	<p>- Yêu cầu: 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.</p> <p>- Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kịp thời cập nhật bù đắp hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình hoặc khi có thay đổi thông tin cá nhân theo Hướng dẫn số 2274/HD-SNV ngày 23/12/2022 của Sở Nội vụ thì điểm đánh giá là 1; + Không cập nhật đầy đủ, kịp thời thì điểm đánh giá 0. 	<p>Báo cáo thống kê quản lý cán bộ, công chức viên chức hằng năm.</p>
23.	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm	<p>- Yêu cầu: Vị trí việc làm; thực hiện bố trí công chức, tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm; tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm được phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 1; + Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng phân công công tác công chức, viên chức. - Đề án/Quyết định phê duyệt vị trí việc làm
24.	TC 5.2.1 - Ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên	<p>- Yêu cầu: Địa phương xây dựng kế hoạch tuyển dụng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức phê duyệt hoặc quyết định theo thẩm</p>	<p>Kế hoạch tuyển dụng viên chức của địa phương.</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	chức	<p>quyền để làm căn cứ tuyển dụng trước mỗi kỳ tuyển dụng (đối với địa phương có số lượng người làm việc chưa sử dụng).</p> <p>- Nếu:</p> <p>+ Địa phương xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyển dụng thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>+ Không ban hành Kế hoạch tuyển dụng thì điểm đánh giá là 0.</p>	
25.	TC 5.2.2 - Thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức	<p>- Tổ chức tuyển dụng đúng Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5</p> <p>- Tổ chức tuyển dụng không đúng Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.</p>	Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng
26.	TC 5.3.1 - Hoàn thành và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CC,VC đúng thời gian quy định	<p>- Yêu cầu: Việc đánh giá, xếp loại chất lượng CC,VC phải căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách.</p> <p>- Nếu:</p> <p>+ Hoàn thành đánh giá trước ngày 15/12 hằng năm và báo cáo kết quả theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Nếu không hoàn thành đánh giá trước ngày 15/12 hằng năm hoặc báo cáo kết quả chậm so với thời gian quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Văn bản triển khai đánh giá, xếp loại hằng năm;</p> <p>- Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm.</p>
27.	TC 5.3.2 - Tỷ lệ CC,VC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	<p>Tỷ lệ % CC,VC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% CCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên} \times 1}{100\%} \right]$	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm
28.	TC 5.4 - Thực hiện theo quy định về bổ nhiệm,	<p>- Yêu cầu: Về bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, nâng ngạch (thăng hạng), nâng lương đối với CBCCVC thực hiện theo đúng quy định tại</p>	<p>- Danh sách CBCCVC bổ nhiệm, điều động, luân chuyển;</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	điều động, luân chuyển, nâng ngạch (thăng hạng), nâng lương đối với CBCCVC	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu: + Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; + Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0;	- Đề án, Kế hoạch thi hoặc xét nâng ngạch, thăng hạng; quyết định phê duyệt kết quả
29.	TC 5.5 - Mức độ thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo Kế hoạch	- Yêu cầu: Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước. - Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó: + a là tổng số nhiệm vụ, chỉ tiêu đặt ra theo kế hoạch năm + b là số nhiệm vụ, chỉ tiêu đã hoàn thành.	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.
30.	TC 5.6.1 - Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị	- Yêu cầu: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí công tác ở những vị trí cần phải chuyển đổi công tác để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. - Nếu: + Kế hoạch xác định cụ thể danh mục các vị trí công tác định kỳ chuyển đổi; xác định rõ đối tượng, thời hạn, thời điểm chuyển đổi của từng vị trí tại địa phương thì điểm đánh giá là 1; + Nếu không ban hành Kế hoạch hoặc nội dung Kế hoạch không đáp ứng yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hằng năm

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
31.	TC 5.6.2 - Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành chuyển đổi vị trí công tác bảo đảm theo kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; - Không hoàn thành Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0. 	Báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác hằng năm
32.	TC 5.7 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị nhắc nhở, phê bình; kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị phê bình, nhắc nhở do có vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật thì điểm đánh giá là 0,5; - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc các báo cáo khác có nội dung về thực hiện văn hóa công vụ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của địa phương. - Kết quả kiểm tra công vụ (nếu có).
33.	TC 5.8 - Cán bộ, công chức cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + 100% cán bộ cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND) có trình độ đại học trở lên; + 100% công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí công tác. - Nếu 100% cán bộ cấp xã (gồm các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND) có trình độ đại học trở lên thì điểm đánh giá là 0,5; không đạt 100% thì điểm đánh giá là 0. - Nếu 100% công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí công tác thì điểm đánh giá là 0,5; không đạt 100% thì điểm đánh giá là 0. 	Báo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương hằng năm.
34.	TCTP 6.1.1 - Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của các phòng chuyên môn, đơn vị cấp xã trực thuộc đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ không đúng quy định thì điểm đánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên; - Tài liệu kiểm chứng khác khi

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		giá là 0.	được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
35.	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của các phòng chuyên môn, đơn vị cấp xã trực thuộc đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Thực hiện không đúng quy định: 0 (ví dụ: đánh giá cho năm 2023 thì thống kê các kết luận trong các năm 2022, 2023)	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong 2 năm gần nhất; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
36.	TC 6.2 - Thực hiện quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thì điểm đánh giá là 1. - Có sai phạm về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập được phát hiện thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (ban hành trong năm đánh giá, chấm điểm CCHC); - Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương; - Kết quả thẩm định của Sở Tài chính; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
37.	TC 6.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN (ví dụ: đánh giá cho năm 2023 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 2 năm gần nhất; - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		2022, 2023)	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện kiến nghị; - Kết quả thẩm định của Sở Tài chính; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
38.	TC 6.4 - Xây dựng dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách theo quy định của Trung ương và của UBND tỉnh. - Nếu: - Xây dựng và gửi báo cáo đúng thời hạn: 0,5 - Không xây dựng hoặc gửi báo cáo sau thời hạn: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách; - Kết quả thẩm định của Sở Tài chính - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
39.	TC 6.5 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đảm bảo theo kế hoạch được giao (vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giải ngân đạt từ mức quy định của UBND tỉnh hàng năm) thì điểm đánh giá là 1; - Thực hiện không đảm bảo theo kế hoạch được giao (vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giải ngân đạt dưới mức quy định của UBND tỉnh hàng năm) thì điểm đánh giá là 0: 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
40.	TC 6.6 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương (cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu : UBND cấp huyện ban hành và thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định. - Nếu: + Ban hành đúng quy định: 1 - Ban hành không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ban hành quy chế; - Hồ sơ, tài liệu về quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương; - Báo cáo tình hình công khai quản lý và sử dụng tài sản công

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			hàng năm của địa phương; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
41.	TC 7.1 - Ban hành đầy đủ các Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương	Yêu cầu: Thời gian ban hành: Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của các cơ quan, đơn vị ban hành trong năm. - Có ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, chuyển đổi số trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1; - Không triển khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số. - Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hoặc Báo cáo thuyết minh chấm điểm chỉ số CCHC của đơn vị
42.	TC 7.2 - Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của địa phương	- Cung cấp thông tin đầy đủ theo Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng thì điểm đánh giá là 0,5; - Cung cấp thông tin người phát ngôn báo chí và đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0,5	- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hoặc Báo cáo thuyết minh chấm điểm chỉ số CCHC của đơn vị (có số liệu chứng minh cụ thể);
43.	TCTP 7.3.1 - Thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN	Yêu cầu: UBND cấp huyện và các UBND cấp xã trên địa bàn huyện có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN; có thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng Lan - 100 % UBND cấp huyện và các UBND cấp xã trên địa bàn huyện có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN; có thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng Lan thì điểm đánh giá là 1 - Dưới 100% UBND cấp huyện và các UBND cấp trên địa bàn huyện có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN; có thiết lập hạ tầng kỹ	Có sơ đồ thiết kế và bản mô tả hệ thống có xác nhận của cơ quan đơn vị

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		thuật mạng Lan thì điểm đánh giá là 0	
44.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính tại nơi làm việc (đôi với cấp huyện, cấp xã)	<p>Yêu cầu: Trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính tại nơi làm việc</p> <p>Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó:</p> <p>a= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố;</p> <p>b= Tổng cán bộ, công chức, viên chức, được trang bị máy tính làm việc tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hoặc Báo cáo thuyết minh chấm điểm CCHC của đơn vị (có số liệu chứng minh cụ thể); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.
45.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước có liên thông văn bản điện tử (trừ văn bản mật)	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) được trao đổi giữa các cơ quan, địa phương trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố với các cơ quan nhà nước trong năm đánh giá (gọi tắt là VĂN BẢN ĐI). - Thống kê tổng số văn bản đi được trao đổi giữa các cơ quan, địa phương trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố với các cơ quan nhà nước dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ). - Tính tỷ lệ % giữa tổng số VĂN BẢN ĐIỆN TỬ so với tổng số VĂN BẢN ĐI. Nếu tỷ lệ này đạt: <p>Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước có liên thông văn bản điện tử (trừ văn bản mật)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 95% đến dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hoặc Báo cáo thuyết minh chấm điểm CCHC của đơn vị (có số liệu chứng minh cụ thể); - Báo cáo thống kê trên Phần mềm Văn phòng điện tử; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.
46.	TCTP 7.4.2 - Lập hồ sơ công việc dưới dạng điện tử	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành Danh mục hồ sơ (DMHS) hằng năm đúng mẫu, đảm bảo thời gian theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục hồ sơ công việc. - Bảng tổng hợp kết quả về lập hồ sơ công việc. - Kết quả theo dõi của Sở Nội

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>- Hồ sơ công việc (HSCV) tạo lập trên Văn phòng điện tử (Idesk) của các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố đảm bảo theo yêu cầu: thống nhất với DMHS đã ban hành (số ký hiệu, tiêu đề hồ sơ, thời hạn bảo quản); các văn bản cập nhập vào hồ sơ đầy đủ, phản ánh được chức năng nhiệm vụ được giao, phản ánh theo đúng trình tự giải quyết công việc.</p> <p>Công thức tính tỷ lệ:</p> $\left[\frac{\text{Tổng HSCV được tạo lập theo DMHS các Phòng}}{\text{Tổng số HSCV trong DMHS ban hành hằng năm các Phòng}} \right] \times 100\%$ <p>Nếu:</p> <p>Các phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành DMHS, lập HSCV đảm bảo theo “yêu cầu” và tỷ lệ HSCV được tạo lập đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ 60% trở lên thì điểm đánh giá là 1 + Từ 50% đến dưới 60% thì điểm đánh giá là 0,5 + Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. <p>Trường hợp: Nếu các Phòng chuyên môn không ban hành đầy đủ 100% DMHS thì không thực hiện chấm điểm đối với nội dung lập HSCV dưới dạng điện tử.</p>	<p>vụ, Sở Thông tin và Truyền thông.</p>
47.	TCTP 7.5.1 - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<p>- Thống kê số DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã có phát sinh hồ sơ từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là số DVCTT có phát sinh hồ sơ (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến);</p>	<p>Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		b là số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến.	
48.	TCTP 7.5.2 - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	<p>- Thống kê tổng số hồ sơ của các DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức : $(b/a)*1,5$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của các DVCTT (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến);</p> <p>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của các DVCTT (không sử dụng bản giấy).</p> <p>- Nếu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
49.	TCTP 7.5.3 - Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	<p>- Thống kê số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã có phát sinh giao dịch thanh toán từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến);</p> <p>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
50.	TCTP 7.5.4 - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	<p>- Thống kê tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi đánh giá từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1,5$.</p> <p>Trong đó:</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</p> <p>- Nếu tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ thanh toán trực tuyến do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>	
51.	TCTP 7.5.5 - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	<p>1. Thống kê kết quả “số hóa thành phần hồ sơ” của UBND cấp huyện từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Tính điểm theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 0,5}{100\%} \right]$</p> <p>Nếu tỷ lệ số hóa thấp hơn chỉ tiêu do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>2. Thống kê kết quả “cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử” của UBND cấp huyện từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Tính điểm theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 0,5}{100\%} \right]$</p> <p>Nếu tỷ lệ cấp kết quả điện tử thấp hơn chỉ tiêu do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
52.	TCTP 7.5.6 - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	<p>1. Thống kê kết quả “số hóa thành phần hồ sơ” của UBND cấp xã từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Tính điểm theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 0,5}{100\%} \right]$</p> <p>Nếu tỷ lệ số hóa thấp hơn chỉ tiêu do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>2. Thống kê kết quả “cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử” của UBND cấp xã từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>- Tính điểm theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 0,5}{100\%} \right]$</p> <p>Nếu tỷ lệ cấp kết quả điện tử thấp hơn chỉ tiêu do UBND tỉnh giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>	
53.	TC 7.6 - Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử	<p>- Thống kê tổng số hồ sơ chứng thực, hồ sơ chứng thực điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (bao gồm: cấp huyện, cấp xã) từ ngày 01/01 đến ngày 30/11 của năm đánh giá.</p> <p>- Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$.</p> <p>Trong đó: a là tổng số hồ sơ chứng thực b là số hồ sơ chứng thực điện tử</p>	<p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở số liệu thống kê từ Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng: bản chụp sổ chứng thực của đơn vị.</p>
54.	TC 7.7- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	<p>- Việc đánh giá nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến được xem xét dựa trên một trong những tiêu chí sau đây: + Nâng cấp TTHC lên DVCTT một phần hoặc DVCTT toàn trình; + Nâng cấp DVCTT một phần lên DVCTT toàn trình; + Đối với những DVCTT một phần, toàn trình: đề xuất việc cải thiện biểu mẫu tương tác (eform) để giúp người dân nhập ít thông tin hơn hoặc tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trước để giúp người dân nộp ít thành phần hồ sơ hơn.</p>	<p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.</p>
55.	TC 8.1 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp huyện giao	<p>- Nếu $0,7 \leq (b+c)/a \leq 1$ thì điểm đánh giá tính theo công thức: $(b/a)*1+(c/a)*0,5$. Trong đó: + a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch; + b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch; + c là số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch.</p> <p>- Nếu $(b+c)/a \geq 1$ thì điểm đánh giá là 1.</p> <p>- Nếu $(b+c)/a < 0,7$ thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
56.	TC 8.2 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo chỉ tiêu được giao	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ vượt thu ngân sách nhà nước địa phương được hưởng so với dự toán HĐND tỉnh giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) thuộc nhóm 03 địa phương cao nhất của tỉnh thì điểm đánh giá là 1. - Nếu tỷ lệ vượt thu ngân sách nhà nước địa phương được hưởng so với dự toán HĐND tỉnh giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) thuộc nhóm 03 địa phương cao từ vị trí thứ 4 đến 6 so với 11 huyện, thị xã, thành phố thì điểm đánh giá là 0,75. - Nếu tỷ lệ vượt thu ngân sách nhà nước địa phương được hưởng so với dự toán HĐND tỉnh giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) thuộc nhóm 03 địa phương cao từ vị trí thứ 7 đến 9 so với 11 huyện, thị xã, thành phố thì điểm đánh giá là 0,5. - Nếu tỷ lệ vượt thu ngân sách nhà nước địa phương được hưởng so với dự toán HĐND tỉnh giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) thuộc nhóm 02 địa phương thấp nhất của tỉnh thì điểm đánh giá là 0,25. - Không hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0. <p><i>(Các địa phương không bắt buộc phải thực hiện đánh giá. Sở Nội vụ sẽ phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan để tổng hợp dữ liệu và đánh giá, tính điểm cho các địa phương)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện NSNN của địa phương, - Kế quả theo dõi của Sở Tài chính; - Tài liệu kiểm chứng khác khi được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.
57.	TC 8.3 - Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) thành lập mới trong năm	<p>Thống kê tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) thành lập mới trong năm tăng lên so với năm trước liền kề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có số doanh nghiệp tăng: 0,3 - Có số hộ kinh doanh tăng: 0,7 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá; - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm trước liền kề; - Số liệu doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp; - Tài liệu kiểm chứng khác khi

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			được yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng.